

ZONE 95 VIETNAM HIPPO 1

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858852	DUNG NGUYEN BUI DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	30	80
858939	THAI LE QUOC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	30	80
858797	ANH VU HOAI BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	30	79
858795	AN NGUYEN HAI	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	28,5	78,5
858878	KHANH HOANG NAM	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	28,5	78,5
858977	HUONG VU MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	28,5	78,5
858926	PHUONG HUYNH NGOC YEN	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	30	78
858961	TUAN DINH MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	18	30	78
858826	CHAU NGUYEN DANG MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	28,5	77,5
858831	CHI LE GIA KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	28,5	77,5
858903	NAM TRAN NHAT	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	28,5	77,5
858925	PHUONG NGUYEN HONG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	28,5	77,5
858798	ANH NGUYEN QUOC TRUNG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858843	DUC BUI ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858879	KHANH VU NAM	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858888	LINH NGUYEN NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858893	LINH DANG PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858910	NGHI DAO DIEU PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	27	77
858918	NGUYEN DO TRAN HANH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	30	77
858844	DUC NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	28,5	76,5
858848	DUNG PHAN TIEN	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	28,5	76,5
858801	ANH VU VAN	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	27	76
858803	ANH TRAN LE THAO	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	27	76
858845	DUC NGUYEN THAC MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	27	76
858869	HUY NGUYEN VU DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	16	30	76
858956	TRI NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	27	76
858960	TUAN NGO MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	27	76
858813	ANH DO PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	28,5	75,5
858856	DUYEN NGUYEN KY	Vietnam Hippo	Hanoi	30	17	28,5	75,5
858945	THU NGUYEN NGOC MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	25,5	75,5
858951	TIEN HA ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	25,5	75,5

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858822	BAO DINH GIA	Vietnam Hippo	Hanoi	30	18	27	75
858830	CHI NGUYEN LE MAI	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	27	75
858859	HA PHAM QUANG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	27	75
858965	TUONG VO BUI CAT	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	27	75
858825	CHAU LE BANG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	25,5	74,5
858834	CHI BUI PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	25,5	74,5
858896	MANH CAO KHAC MANH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	17	28,5	74,5
858927	PHUONG NGUYEN HONG LAM	Vietnam Hippo	Hanoi	29	17	28,5	74,5
858887	LAM NGUYEN THAI	Vietnam Hippo	Hanoi	28	19	27	74
858940	THANH DO MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	20	24	74
858972	VY NGUYEN NGOC KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	27	74
858974	ANH PHAM THE	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	27	74
858865	HOANG DOAN VU MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	25,5	73,5
858866	HUNG PHAN DOAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	25,5	73,5
858871	HUY NGUYEN NHAT	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	25,5	73,5
858894	LINH HOANG NGOC PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	25,5	73,5
858978	PHUONG HOANG MAI	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	25,5	73,5
858824	BAO LE GIA	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	24	73
858839	DUC DO NGUYEN THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	19	24	73
858842	DUC LE MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	17	27	73
858850	DUNG DUONG TUAN	Vietnam Hippo	Hanoi	29	17	27	73
858946	THU TRAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	24	73
858799	ANH PHAM NGUYEN MAI	Vietnam Hippo	Hanoi	30	17	25,5	72,5
858902	MINH DANG QUANG	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	25,5	72,5
858981	THY NGUYEN NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	29	18	25,5	72,5
858810	ANH PHUNG NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	18	24	72
858823	BAO HUYNH QUOC	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	24	72
858838	DINH TRAN HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	28	17	27	72
858840	DUC TRAN ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	18	24	72
858861	HAN PHAM TRAN GIA	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	22,5	71,5
858930	PHUONG NGUYEN MAI	Vietnam Hippo	Hanoi	28	18	25,5	71,5

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858933	QUAN NGUYEN PHUNG ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	13	28,5	71,5
858949	THY LAM QUYNH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	22,5	71,5
858867	HUNG NGUYEN DINH	Vietnam Hippo	Hanoi	25	19	27	71
858963	TUE LE HOANG MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	24	20	27	71
858957	TRiet HO HUU	Vietnam Hippo	Hanoi	27	18	25,5	70,5
858811	ANH PHAM BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	30	16	24	70
858814	ANH NGUYEN DOAN DUY	Vietnam Hippo	Hanoi	28	18	24	70
858883	KIEN DUONG MANH	Vietnam Hippo	Hanoi	28	18	24	70
858911	NGOC NGUYEN HOANG BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	29	20	21	70
858914	NGOC VU PHUONG MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	24	19	27	70
858800	ANH NGUYEN HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	28	19	22,5	69,5
858847	DUNG NGUYEN TRUNG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	14	25,5	69,5
858899	MINH NGUYEN DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	28	19	22,5	69,5
858858	HA NGUYEN PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	24	18	27	69
858870	HUY VU DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	29	19	21	69
858796	AN TRAN CHU HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	27	19	22,5	68,5
858886	LAM DANG VU TUE	Vietnam Hippo	Hanoi	27	19	22,5	68,5
858962	TUAN TRAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	26	20	22,5	68,5
858841	DUC NGUYEN QUANG	Vietnam Hippo	Hanoi	28	16	24	68
858864	HIEU NGUYEN PHAN DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	26	15	27	68
858900	MINH HOANG NHAT	Vietnam Hippo	Hanoi	29	13	25,5	67,5
858820	ANH NGUYEN DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	27	14	25,5	66,5
858816	ANH NGUYEN LAN	Vietnam Hippo	Hanoi	25	17	24	66
858982	TIEN NGUYEN XUAN	Vietnam Hippo	Hanoi	27	18	21	66
858909	NGAN PHAN KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	28	13	24	65
858954	TRANG LE HUYEN	Vietnam Hippo	Hanoi	27	17	21	65
858922	PHONG KIEU THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	25	18	21	64
858880	KHOI NGHIEM PHAM ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	26	13	24	63
858908	NAM VU VUONG KY	Vietnam Hippo	Hanoi	22	20	21	63
858827	CHAU HOANG NGOC BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	17	19	25,5	61,5
858837	DAT NGUYEN NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	28	10	22,5	60,5

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858931	QUAN VU MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	12	20	28,5	60,5
858846	DUNG DAU THUY	Vietnam Hippo	Hanoi	23	15	21	59
858806	ANH DANG VIET	Vietnam Hippo	Hanoi	30	3	25,5	58,5
858832	CHI TRAN KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	27	9	22,5	58,5
858881	KHOI VU ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	0	28,5	58,5
858932	QUAN DOAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	16	17	25,5	58,5
858952	TRA NGUYEN PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	30	0	28,5	58,5
858975	BINH LE HAI	Vietnam Hippo	Hanoi	13	19	25,5	57,5
858805	ANH NGUYEN HOANG MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	28	5	24	57
858889	LINH HOANG KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	30	0	27	57
858892	LINH NGUYEN KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	22	10	24	56
858964	TUE LE NGUYEN THAI	Vietnam Hippo	Hanoi	14	18	24	56
858836	CUONG DANG VAN	Vietnam Hippo	Hanoi	25	2	28,5	55,5
858969	VAN PHAM LE KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	28	17	10,5	55,5
858821	ANH NGUYEN THI HA	Vietnam Hippo	Hanoi	13	18	24	55
858804	ANH DANG QUYNH	Vietnam Hippo	Hanoi	29	0	25,5	54,5
858938	SON VU KY	Vietnam Hippo	Hanoi	4	19	30	53
858959	TRUNG MAC KIEN	Vietnam Hippo	Hanoi	9	20	24	53
858970	VAN LE NGO THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	20	17	15	52
858947	THU DO MAI ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	20	15	16,5	51,5
858934	QUAN NINH NGUYEN DINH	Vietnam Hippo	Hanoi	27	0	24	51
858943	THAO NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	18	9	24	51
858976	DUK NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	6	18	27	51
858855	DUY PHAN NGUYEN	Vietnam Hippo	Hanoi	17	17	16,5	50,5
858980	QUAN PHAM ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	4	18	28,5	50,5
858877	KHANG NGUYEN LE VINH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	20	30	50
858966	UYEN NGUYEN PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	5	16	28,5	49,5
858897	MINH PHAM THI HONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	20	28,5	48,5
858935	QUANG NGUYEN DINH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	20	28,5	48,5
858862	HAN TRUONG NGUYEN BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	19	0	28,5	47,5
858853	DUNG NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	23	0	24	47

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858884	LAM TRINH TUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	20	27	47
858807	ANH HA HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	26	0	19,5	45,5
858898	MINH VU NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	30	15	0	45
858916	NGUYEN NGUYEN KHOA	Vietnam Hippo	Hanoi	19	0	25,5	44,5
858904	NAM TRAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	11	17	15	43
858936	QUANG NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	18	22,5	40,5
858937	SON NGUYEN PHUC	Vietnam Hippo	Hanoi	0	10	22,5	32,5
858829	CHAU NGUYEN THI MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	14	16,5	30,5
858857	GIANG NGUYEN PHAM HUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	8	22,5	30,5
858906	NAM LE NGUYEN BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	29	0	0	29
858920	NHAN VU THIEN	Vietnam Hippo	Hanoi	29	0	0	29
858819	ANH VU DANG DUC	Vietnam Hippo	Hanoi	28	0	0	28
858968	VAN BUI VU BICH	Vietnam Hippo	Hanoi	28	0	0	28
858973	YEN DO LUU	Vietnam Hippo	Hanoi	1	0	25,5	26,5
858809	ANH HA SY HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	26	0	0	26
858860	HA NGUYEN LE	Vietnam Hippo	Hanoi	26	0	0	26
858818	ANH LE CONG	Vietnam Hippo	Hanoi	22	0	0	22
858915	NGOC VU THIET	Vietnam Hippo	Hanoi	16	5	0	21
858901	MINH TRINH ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	20	0	20
858941	THANH HA DUC SON	Vietnam Hippo	Hanoi	18	0	0	18
858863	HIEU NGUYEN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	11	0	0	11
858955	TRANG NGUYEN YEN	Vietnam Hippo	Hanoi	10	0	0	10
858885	LAM PHAM TUNG	Vietnam Hippo	Hanoi	2	2	0	4
858928	PHUONG NGUYEN NAM	Vietnam Hippo	Hanoi	4	0	0	4
858948	THU LE ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	1	0	0	1
858802	ANH LE NGUYEN PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858808	ANH DO THI PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858812	ANH TRAN DUY	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858815	ANH QUACH TUE	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858817	ANH PHAM TRAM	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858828	CHAU NGUYEN HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858833	CHI PHAM HA	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858835	CHI PHAM HA	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858849	DUNG NGUYEN DUC ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858851	DUNG NGUYEN PHAM CHI	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858854	DUONG NGUYEN THUY	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858868	HUNG NGUYEN DUY	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858872	HUYEN PHAM KHANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858873	HUYEN DAO THI THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858874	KHANG TRAN MINH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858875	KHANG NGUYEN LE HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858876	KHANG DOAN	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858882	KIEN TRAN LE TRUNG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858890	LINH VU NGUYEN THAO	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858891	LINH LAI NGOC	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858895	LONG NGUYEN BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858905	NAM NGUYEN HOANG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858907	NAM NGUYEN TAT	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858912	NGOC LUONG HONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858913	NGOC NGUYEN BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858917	NGUYEN MAI BA	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858919	NGUYEN LE HANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858921	OANH NGUYEN NGOC LAM	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858923	PHONG LA THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858924	PHUC VU ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858929	PHUONG NGUYEN LE	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858942	THAO NGO PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858944	THU LE THANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858950	THY NGUYEN BAO	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858953	TRANG NGUYEN HUYEN	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858958	TRUNG NGUYEN THE	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858967	UYEN LE THU	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0

Cand #	Name & Surname	School	Town	R	L	U	Total
858971	VY NGUYEN BUI PHUONG	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858979	QUAN PHAN ANH	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0
858983	VY TRAN NGUYEN HA	Vietnam Hippo	Hanoi	0	0	0	0